

Số: **269** /BNV-TCBC

V/v Báo cáo thực hiện tình  
giảm biên chế theo Nghị  
quyết 16/2000/NQ-CP và  
Nghị quyết 09/2003/NQ-CP  
của Chính phủ

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2006

**Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang bộ,  
cơ quan thuộc Chính phủ  
- Ủy ban nhân dân các tỉnh,  
thành phố trực thuộc Trung ương**

Để có cơ sở báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18/10/2000 và Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP ngày 27/8/2003 của Chính phủ về việc tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; Bộ Nội vụ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của bộ, ngành và địa phương mình và gửi báo cáo về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính. Nội dung tổng kết đánh giá cần tập trung vào một số vấn đề chủ yếu sau:

**I- Đánh giá về tổ chức bộ máy**

1- Tổng hợp tình hình biến động về tổ chức bộ máy từ 31/12/1999 đến 31/12/2005 của bộ, ngành, địa phương (theo biểu mẫu số 1 đính kèm)

2- Phân tích, nhận xét nguyên nhân làm tăng hoặc giảm tổ chức bộ máy (tăng thêm bộ máy do quy định của pháp luật, chia tách địa giới hành chính...); Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức và hoạt động theo quy định của Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, Quyết định 192/2001/QĐ-TTg ngày 17/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước ...

**II- Đánh giá về tinh giản biên chế**

1. Tổng hợp kết quả thực hiện tinh giản biên chế của Bộ, ngành và địa phương mình theo biểu mẫu số 2,3 và 4 đính kèm. (Biểu số 4 giành riêng cho các địa phương)

2- Nhận xét, đánh giá kết quả tinh giản biên chế.

a- Đánh giá việc tổ chức triển khai của Bộ, ngành, tỉnh và việc tổ chức triển khai đối với các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tỉnh theo 4 bước hướng dẫn tại Thông tư số 73/2000/TTLT-BTCCBCP-BTC ngày 28/12/2000 của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ)-Bộ Tài chính.

b- Phân tích đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc tinh giản biên chế đến chất lượng đội ngũ cán bộ công chức viên chức:

- Trình độ chuyên môn đào tạo chung của cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ, ngành, địa phương thay đổi so với trước khi thực hiện, tăng bao nhiêu %.

- Cơ cấu về tuổi đời chung của cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ, ngành, địa phương thay đổi so với trước khi thực hiện, tuổi đời trung bình giảm bao nhiêu %.

- Sử dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ, ngành, địa phương thay đổi so với trước khi thực hiện tình giản biên chế. ...

- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết những tồn tại, vướng mắc, đơn thư khiếu nại- tố cáo của tổ chức, các nhân liên quan đến tình giản biên chế

Việc phân tích đánh giá của Bộ, ngành và địa phương được thực hiện cụ thể trên từng lĩnh vực: quản lý hành chính, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, sự nghiệp y tế, sự nghiệp khoa học, sự nghiệp văn hoá thông tin- thể dục thể thao và sự nghiệp khác.

c- Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến những hạn chế của kết quả tình giản biên chế.

3- Những kiến nghị của Bộ, ngành và địa phương về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tình giản biên chế để nâng cao chất lượng hoạt động.

### III- Thời điểm báo cáo

Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp thủ trưởng Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm:

1- Chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp (Vụ hoặc Ban Tài chính ở Trung ương, Sở Tài chính ở địa phương) và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tổng kết, đánh giá thực hiện tình giản biên chế.

2- Tổng hợp và xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện tình giản biên chế của Bộ, ngành, tỉnh mình, trình Thủ trưởng Bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; gửi báo cáo về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính trước ngày 15/03/2006 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ, ngành và địa phương khi gửi báo cáo kèm theo các biểu mẫu số 1, 2, 3 và 4 đính kèm. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ Tài chính,
- Bộ trưởng Đỗ Quang Trung (BC),
- Lưu VT, TCBC

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Đặng Quốc Tiến

Bộ, ngành Trung ương:  
Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Biểu số 1

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẮP XẾP TỔ CHỨC**  
**THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005.**

PHÂN LOẠI TỔ CHỨC	Số tổ chức có đến ngày 31/12/1999		Số tổ chức đã giảm		Nguyên nhân tăng, giảm tổ chức					Số tổ chức có đến ngày 31/12/2005		Ghi chú
	Tổng số	Số phòng, Ban, đơn vị trực thuộc	Tổng số	Số phòng, Ban, đơn vị trực thuộc	Giải thể	Thành lập mới	Sáp nhập	Chia tách	Chuyển đổi cơ chế	Tổng số	Số phòng, Ban, đơn vị trực thuộc	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I. Khối Bộ, ngành (Trung ương)</b> <b>1. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước trực thuộc Bộ, ngành</b> 1.1. Tổng cục 1.2. Cục (và tương đương) 1.3. Vụ (và tương đương) 1.4. Phòng (và tương đương) <b>2. Tổ chức sự nghiệp</b> 2.1. Trực thuộc Bộ, ngành: 2.1.1. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo: - Đại học												

(1)

- Cao đẳng												
- Trung học chuyên nghiệp												
- Trường nghề												
- Các tổ chức còn lại												
2.1.2. Sự nghiệp y tế:												
- Bệnh viện												
- Trung tâm												
- Các tổ chức còn lại												
2.1.3. Sự nghiệp VH-TT-thể thao:												
- Bảo tàng												
- Thư viện												
- Các đoàn nghệ thuật												
- Các tổ chức còn lại												
2.1.4. Sự nghiệp nghiên cứu KH:												
- Viện												
- Trung tâm												
- Tổ chức còn lại												
2.1.5. Sự nghiệp khác												
2.2.Trực thuộc các Tổng cục, Cục:												
2.2.1.Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:												
- Trung học chuyên nghiệp												

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường nghề</li> <li>- Các tổ chức còn lại</li> </ul>												
<p>2.2.2. Sự nghiệp Y tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện</li> <li>- Trung tâm</li> <li>- Các tổ chức còn lại</li> </ul>												
<p>2.2.3. Sự nghiệp VH TT-thể thao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo tàng</li> <li>- Thư viện</li> <li>- Các đoàn nghệ thuật</li> <li>- Các tổ chức còn lại</li> </ul>												
<p>2.2.4. Sự nghiệp nghiên cứu KH:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viện</li> <li>- Trung tâm</li> <li>- Tổ chức còn lại</li> </ul>												
<p>2.2.5. Sự nghiệp khác</p>												
<p><b>II. Khối địa phương (cấp tỉnh, huyện)</b></p>												
<p><b>A. Cấp tỉnh</b></p>												
<p>1. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước</p>												
<p>1.1. Sở, Ban và tương đương</p>												
<p>1.2. Chi cục thuộc UBND cấp tỉnh</p>												
<p>1.3. Chi cục thuộc các Sở</p>												



<p>2. Tổ chức sự nghiệp</p> <p>2.1. Tổ chức sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh</p> <p>2.1.1. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại học</li> </ul> <p>2.1.2. Sự nghiệp Y tế</p> <p>2.1.3. Sự nghiệp VH TT-thể thao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đài phát thanh truyền hình</li> </ul> <p>2.1.4. Sự nghiệp nghiên cứu khoa học</p> <p>2.1.5. Sự nghiệp khác</p> <p>2.2. Tổ chức sự nghiệp trực thuộc các Sở, Ban</p> <p>2.2.1. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cao đẳng</li> <li>- Trung học phổ thông</li> <li>- Các trung tâm</li> <li>- Trường nghề</li> </ul> <p>2.2.2. Sự nghiệp Y tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện</li> <li>- Trung tâm</li> <li>- Các tổ chức còn lại</li> </ul> <p>2.2.3. Sự nghiệp VH TT-thể thao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo tàng</li> </ul>												
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thư viện</li> <li>- Các đoàn nghệ thuật</li> <li>- Các tổ chức còn lại</li> </ul> <p>2.2.4. Sự nghiệp nghiên cứu khoa học</p> <p>2.2.5. Sự nghiệp khác</p> <p>3. Các tổ chức tư vấn, hội đồng, Ban chỉ đạo phối hợp liên ngành</p> <p>4. Các tổ chức thuộc khối Đảng, Đoàn thể</p> <p>5. Các Doanh nghiệp Nhà nước</p> <p><b>B. Cấp huyện</b></p> <p>1. Phòng và tương đương</p> <p>2. Tổ chức sự nghiệp</p> <p>2.1. Tổ chức sự nghiệp trực thuộc UBND huyện</p> <p>2.1.1. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo</p> <p>2.1.2. Sự nghiệp Y tế</p> <p>2.1.3. Sự nghiệp VH TT-thể thao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đài truyền thanh truyền hình</li> </ul> <p>2.1.4. Sự nghiệp nghiên cứu khoa học</p> <p>2.1.5. Sự nghiệp khác</p> <p>2.2. Tổ chức sự nghiệp trực thuộc các Phòng</p> <p>2.2.1. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung học cơ sở</li> </ul>												
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

(5)

- Các trung tâm												
- Tiểu học												
- Mầm non												
2.2.2. Sự nghiệp Y tế												
2.2.3. Sự nghiệp VH-TT-thể thao												
2.2.4. Sự nghiệp nghiên cứu khoa học												
2.2.5. Sự nghiệp khác												
3. Các tổ chức tư vấn, Hội đồng, Ban chỉ đạo phối hợp liên ngành												
4. Các tổ chức thuộc khối Đảng, Đoàn thể												
5. Các Doanh nghiệp Nhà nước												

**Ghi chú:**

- Chỉ báo cáo những tổ chức được giao biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

**VỤ HOẶC BAN TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**(SỞ NỘI VỤ)**

**(Ký tên)**

Ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

**(Ký tên, đóng dấu)**

(6)



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ  
THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005

TT	TÊN LĨNH VỰC TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ	Biên chế được giao năm 2000	Tổng số biên chế giảm	Số người được hưởng chính sách tình giản biên chế trong kỳ				Tiền chi cho tình giản biên chế trong kỳ (1000 đồng)						Tổng cộng (1000đ)	Trong đó		
				Chuyển sang cơ sở BC và chuyển công tác	Nghỉ hưu trước tuổi	Thời việc ngay	Đi học để chuyển nghề	Trợ cấp chuyển sang cơ sở ban công	Trợ cấp nghỉ hưu theo Nghị quyết 16		Trợ cấp thời việc ngay	Trợ cấp thời việc sau khi đi học			Kinh phí cơ quan chi từ dự toán NS hàng năm	Kinh phí từ nguồn thu khác	Ngân sách nhà nước cấp
									T. cấp trả cho người về hưu trước tuổi	Tiền đóng cho cơ quan BHXH		Trợ cấp học nghề	Trợ cấp theo NĐ 96				
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=7+8+9+ 10+11+12	14	15	16
I	Quản lý nhà nước																
II	Sự nghiệp GD-ĐT																
1	Gián tiếp																
2	Trực tiếp																
-	Giáo viên Mầm non																
-	Giáo viên Tiểu học																
-	Giáo viên THCS																
-	Giáo viên THPT																
-	Giáo viên ĐH, CĐ...																
III	Sự nghiệp y tế																
IV	Sự nghiệp khoa học																
V	Sự nghiệp VH- TDTT																
VI	Sự nghiệp khác																
VII	Khối Đảng, đoàn thể																
VIII	Khối DN- NN																
	TỔNG CỘNG																

VỤ HOẶC BAN TÀI CHÍNH  
(SỞ TÀI CHÍNH)  
(Ký tên)

VỤ HOẶC BAN TỔ CHỨC CÁN BỘ  
(SỞ NỘI VỤ)  
(Ký tên)

Ngày ..... tháng ..... năm .....  
THỦ TRƯỞNG BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG  
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ: .....

**TỔNG HỢP PHÂN TÍCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH  
TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ ĐẾN HẾT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005**

TT	TÊN LĨNH VỰC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ	Biên chế được giao năm 2000	Đối tượng giảm biên chế						Số người được hưởng chính sách tính giản biên chế							Tổng số biên chế được giao đến 31/12/2005	Ghi chú
			Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra							
				Do sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ, giám tổ chức	Yếu năng lực quản lý, chuyên môn	Yếu sức khỏe	Chuyển sang hợp đồng	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng biên chế, kinh phí từ NSNN		Chuyển sang cơ sở bán công	Nghỉ hưu theo Nghị quyết 16		Thời việc		Số người thời giữ chức vụ lãnh đạo		
											Nghỉ trước tuổi	Bổng BHXH còn thiếu từ 1 năm trở xuong	Thời việc ngay	Đi học để chuyển nghề			
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Quản lý nhà nước																
II	Sự nghiệp GD-ĐT																
1	Gián tiếp																
2	Trực tiếp																
III	Sự nghiệp y tế																
1	Gián tiếp																
2	Trực tiếp																
IV	Sự nghiệp khoa học																
1	Gián tiếp																
2	Trực tiếp																
V	Sự nghiệp VH-TTĐTT																
1	Gián tiếp																
2	Trực tiếp																
VI	Sự nghiệp khác																
VII	Khối Đảng, đoàn thể																
VIII	Khối DN NN																
	TỔNG CỘNG																

VỤ HOẶC BAN TỔ CHỨC CÁN BỘ  
(SỞ NỘI VỤ)  
(Ký tên)

Ngày ..... tháng ..... năm .....  
THỦ TRƯỞNG BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG  
(Ký tên, đóng dấu)

TỈNH, THÀNH PHỐ: .....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ  
NGÀNH GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO ĐẾN HẾT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005**

TT	Đối tượng	Biên chế được giao năm 2000	Tổng số trường năm 2000	Tổng số lớp năm 2000	Tổng số học sinh năm 2000	Đối tượng giảm biên chế						Số người được hưởng chính sách tình giảm biên chế						Tổng số trường đến 31/12/2005	Tổng số lớp đến 31/12/2005	Tổng số học sinh đến 31/12/2005	Tổng số biên chế đến 31/12/2005	
						Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra									
							Do thay đổi quy mô trường, lớp, học sinh	Thừa theo cơ cấu môn học	Yếu năng lực quản lý, chuyên môn	Yếu sức khoẻ	Chưa đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục		Chuyển sang bán công, các tổ chức không sử dụng biên chế, kinh phí từ NSNN	Chuyển sang cơ sở bán công	Nghỉ hưu theo Nghị quyết 16		Thời việc					
															Nghỉ trước tuổi	Đóng BHXH còn thiếu từ 1 năm trở xuống	Thời việc ngay					Đi học để chuyển nghề
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
I	Biên chế trực tiếp																					
1	Giáo viên Mầm non																					
2	Giáo viên Tiểu học																					
3	Giáo viên THCS																					
4	Giáo viên THPT																					
5	Giáo viên ĐH, CĐ...																					
II	Biên chế gián tiếp																					
	TỔNG CỘNG																					

**SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO**  
(Ký tên)

**SỞ NỘI VỤ**  
(Ký tên)

Ngày ..... tháng ..... năm .....  
**Chủ tịch UBND tỉnh**  
(Ký tên, đóng dấu)